

Bản án số: **38/2025/DS-ST**

Ngày: 20-9-2025

V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản và
thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận;

2. Ông Phạm Thành Đô;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Văn Khánh – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2025/TLST – DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST - DS, ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N

Địa chỉ: số 2, Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, Thành phố Hà Nội (nay là số 2, phường Giảng V, TP. Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ – phó giám đốc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh Bù Đ

(Theo quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 và giấy ủy quyền số 15/UQ-NHNoBD lập ngày 08/5/2025)

Địa chỉ công tác: khu Đức L, TT Đức Ph, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Đức Ph, xã Bù Đ, tỉnh Đồng Nai)

2. *Bị đơn:*

- Bà Hồ Thị Tuyết H, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: thôn Sơn H, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai

- Cháu Nguyễn Minh Q, sinh năm: 2021

Người giám hộ của cháu Nguyễn Minh Q: bà Hồ Thị Tuyết H, sinh năm: 1989

- Bà Trần Thị Ng, sinh năm: 1946

Cùng cư trú: thôn Sơn H, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai
(Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-4-2025, đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 03-7-2025 của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, vợ chồng ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N – Chi nhánh huyện Bù Đ, Bình Phước số tiền 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Thời hạn vay: 24 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng đến hết ngày 06/10/2024. Mục đích vay vốn để chăm sóc vườn điều xen cà phê, sầu riêng; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 11.2%/năm. Lãi suất quá hạn: 150%/năm. Lãi chậm trả: 10%/ năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất điều chỉnh. Bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau là lãi suất cao nhất của Agribank chi nhánh tỉnh Bình Phước + (cộng) 4.8% được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Hạn trả nợ gốc: 06/10/2024. Định kỳ trả lãi: 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Các bên có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5606-LAV-202206387.

Để đảm bảo nợ vay theo hợp đồng 5606-LAV-202206387 ngày 06/10/2022, ông Nguyễn Minh H thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 41, diện tích 2797.7m², tại thôn Sơn Th, xã Thọ S, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước đã được cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 922482 vào sổ cấp GCN: CS03650 do Sở TN&MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/08/2020 cho ông Nguyễn Minh H theo Hợp đồng thế chấp số 080088001793/HĐTC ngày 06/10/2022, số công chứng 8348 ngày 06/10/2022 tại Văn phòng công chứng Hà Văn Đ.

Sau khi ký hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng ở trên phía ngân hàng đã giải ngân đúng như trong hợp đồng đã ký. Ngày 02/8/2024, ông Nguyễn Minh H chết, các khoản nợ của ông H bà H vay của ngân hàng vẫn chưa trả. Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 07/10/2024. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ nhưng bà H không trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Tuyết H (vợ ông H) cùng cháu Nguyễn Minh Q (con ông H bà H) và cụ Trần Thị Ng (mẹ ruột ông H) là những người được hưởng thừa kế di sản của ông H chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông H để lại, trả cho Ngân hàng số tiền gốc 1.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5606-LAV-202206387 ngày 06/10/2022

Trường hợp bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q (con ông H bà H) và cụ Trần Thị Ng (mẹ ruột ông H) không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp ghi nhận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5606LAV202206387 ngày 06/10/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 299, Điều 320, Điều 463, Điều 466, Điều 615, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Buộc bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N số tiền vay 1.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Sau khi bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N có trách nhiệm trả lại tài sản mà ông Nguyễn Minh H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5606LAV202206387 ngày 06/10/2022

Nếu bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi nhận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5606LAV202206387 ngày 06/10/2022 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng (là bị đơn) vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng.

[2] Xét: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N khởi kiện bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng - là những người được hưởng thừa kế di sản của ông Nguyễn Minh H chết để lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Minh H để lại, yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa đầy đủ. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Theo như trong hợp đồng tín dụng cũng như xác nhận thông tin về cư trú ngày 18/3/2025 ghi nhận bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q và bà Trần Thị Ng cư trú tại thôn Sơn H, xã Thọ S, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Sơn H, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác

định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai).

[3] Xét giao dịch giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh H và bà Hồ Thị Tuyết H được lập ngày 06 tháng 10 năm 2022. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N yêu cầu trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

[4.1] Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N khai nhận ngày 06/10/2022 Ngân hàng và ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5606-LAV-202206387. Ngân hàng giải ngân cho ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H vay với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Ngân hàng cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng (bút lục 09 -11), phụ lục hợp đồng nhận tiền vay (bút lục số 20) và hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Văn Đ (bl số 13- 19) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H vay tiền của Ngân hàng là có thật.

[4.2] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 17 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 5606-LAV-202206387 có ghi nhận “*Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này cho đến ngày 06/10/2024*”. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Như vậy, thời hạn ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H phải trả tiền vay cho Ngân hàng chậm nhất là ngày 06/10/2024. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu người vay trả số tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Theo lời khai của Ngân hàng thì quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H đã trả được số tiền lãi là 188.017.17 đồng (tính đến ngày 02/7/2024). Sau đó, ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H không thực hiện việc trả tiền lãi. Nay, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 03/7/2024 đến ngày 20/9/2025 (ngày xét xử) với số nợ lãi là: 148.119.193 đồng (trong đó lãi trong hạn là 109.845.215 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả là 38.273.978 đồng). Xét, theo nội dung của Hợp đồng tín dụng số 5606-LAV-202206387 ngày 06/10/2022 thì lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11,2%/ năm, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi chậm trả 9,5%/ năm. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận.... Khi*

giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất”. Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này*”. Trong hợp đồng cho vay từng lần ngày 15/8/2019 có ghi nhận: “4.4. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. 4.5. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Xét, các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng. Do đó, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của các bên. Mặt khác, lãi suất mà Ngân hàng áp dụng là phù hợp với lãi suất đã được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng và ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng.

Như vậy, tổng số tiền vay và tiền lãi Ngân hàng yêu cầu giải quyết là 1.148.119.193 đồng.

[6] Xét nghĩa vụ thanh toán: khoản 2 Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*”. Tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm*”. Do đó, ông Nguyễn Minh H cùng bà Hồ Thị Tuyết H có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay cho Ngân hàng, trong đó bà Hồ Thị Tuyết H và ông Nguyễn Minh H mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Tuy nhiên, theo nội dung của biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 19/3/2025 ghi nhận, ông Nguyễn Minh H đã chết vào lúc 06 giờ 00 phút ngày 02 tháng 8 năm 2024. Ông Nguyễn Văn Nh (quan hệ là cha con) đã chết ngày 28/7/2021. Theo xác nhận thông tin về cư trú đề ngày 18/3/2025 thì ông Nguyễn Minh H có bà Hồ Thị Tuyết H là vợ, bà Trần Thị Ng là mẹ và cháu Nguyễn Minh Q là con. Khi vay vốn tại Ngân hàng thì ông Nguyễn Minh H, bà Hồ Thị Tuyết H có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 41, diện tích 2797.7m² tại thôn Sơn Th, xã Thọ S, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Sơn Th, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai) đã được cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 922482 vào sổ cấp GCN: CS03650 do Sở TN&MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/08/2020 cho ông Nguyễn Minh H. Theo Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do đó, cần buộc bà

Hồ Thị Tuyết H trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh là 574.059.596 đồng. Buộc bà Hồ Thị Tuyết H, bà Trần Thị Ng và cháu Nguyễn Minh Q trả cho Ngân hàng số tiền vay 574.059.596 đồng trong phạm vi di sản thừa kế ông Nguyễn Minh H để lại.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Ngân hàng khai nhận khi ký kết hợp đồng tín dụng thì ông Nguyễn Minh H có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 41, diện tích 2797.7m², tại thôn Sơn Th, xã Thọ S, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Sơn Th, xã Thọ S, tỉnh Đồng Nai) đã được cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 922482 vào sổ cấp GCN: CS03650 do Sở TN&MT tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/08/2020 cho ông Nguyễn Minh H. Việc thế chấp có làm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5606LAV202206387 ngày 06/10/2022 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm gồm: *“Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm khi bà Hồ Thị Tuyết H, bà Trần Thị Ng và cháu Nguyễn Minh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

[8] Về các nội dung khác:

[8.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 2.000.000đ. Tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”*. Do yêu cầu xử lý tài sản của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ. Tại khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ”*. Do đó, cần buộc bà Hồ Thị Tuyết H, bà Trần Thị Ng và cháu Nguyễn Minh Q hoàn trả số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 2.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[8.2] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”*. Do đó, bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H, bà Trần Thị Ng và cháu Nguyễn Minh Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

[8.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 299, Điều 320, Điều 463 và Điều 466; Điều 613; Điều 614; Điều 615; Điều 616; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Buộc bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N số tiền là 574.059.596 đồng (trong đó, số tiền vay là 500.000.000đ, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/9/2025 là 74.059.596 đồng).

Buộc bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q, bà Trần Thị Ng cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, cụ thể buộc bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q, bà Trần Thị Ng trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N 574.059.597 đồng (trong đó, số tiền vay là 500.000.000đ, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 20/9/2025 là 74.059.597 đồng) trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh H để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 5606-LAV-20226387 ngày 06/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi bị đơn thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N có trách nhiệm trả lại tài sản mà bị đơn đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 080088001793/HĐTC ngày 06/10/2022.

Nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp được ghi nhận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 080088001793/HĐTC ngày 06/10/2022 để thu hồi nợ.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H, cháu Nguyễn Minh Q, bà Trần Thị Ng phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ là 2.000.000 đồng.

3/ Về án phí: Buộc bị đơn bà Hồ Thị Tuyết H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.221.788 đồng

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, cháu Nguyễn Minh Q, bà Trần Thị Ng phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.221.788 đồng trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Minh H để lại.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N số tiền tạm ứng án phí là 21.732.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009761 lập ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh